



TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THU NHẬP CHỊU THUẾ

(Theo Khoản 1, 2, 5, 6, 9, 10 Điều 3 Luật Thu nhập cá nhân 2025)



Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025 được Quốc hội Khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 10 và có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026, đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định quan trọng nhằm phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm công bằng trong điều tiết thu nhập và mở rộng cơ sở thuế. Theo Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025, thu nhập chịu thuế của cá nhân được quy định cụ thể bao gồm các nhóm sau đây:

Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân gồm các loại thu nhập sau đây, trừ thu nhập được miễn thuế quy định tại Điều 4 của Luật Thuế thu nhập cá nhân năm 2025:

1. Thu nhập từ kinh doanh, bao gồm: Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ; thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật; thu nhập từ hoạt động đại lý, môi giới, hợp tác kinh doanh với tổ chức; thu nhập từ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số.



2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm:

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công; tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức.



Các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác trừ các khoản: phụ cấp, trợ cấp theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công; phụ cấp quốc phòng, an ninh; phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm; phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực theo quy định của pháp luật; phụ cấp, trợ cấp, sinh hoạt phí do cơ quan Việt Nam ở nước ngoài chi trả; trợ cấp khó khăn đột xuất, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, trợ cấp tuất hàng tháng và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm; trợ cấp mang tính chất bảo trợ xã hội và các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không mang tính chất tiền lương, tiền công do Chính phủ quy định.

3. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở; thu nhập từ chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước; các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản dưới mọi hình thức.





4. Thu nhập từ trúng thưởng, bao gồm: Trúng thưởng xổ số; trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại; trúng thưởng trong các hình thức đặt cược; trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác, trừ trúng thưởng trong casino.

5. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh, bất động sản và các tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc đăng ký sử dụng.



6. Thu nhập khác, bao gồm: Thu nhập từ chuyển nhượng tên miền internet quốc gia Việt Nam “.vn”; thu nhập từ chuyển nhượng kết quả giảm phát thải khí nhà kính, tín chỉ các bon; thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá theo quy định của pháp luật; thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số; thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng.



Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng.

